

Bản án số: 23/2019/DS-PT

Ngày: 12 – 6 - 2019

V/v “*Kiên đòi bồi thường thiệt hại về tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Bằng;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo;

Bà Đỗ Thị Hà;

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huế - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2019/TLPT-DS ngày 22 tháng 01 năm 2019 về việc: “*Kiên đòi bồi thường thiệt hại về tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2018/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T H, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26A/2019/QĐ-PT ngày 25-3-2019; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 29A/2019/QĐ-TP ngày 25-4-2019; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 35A/2019/QĐ-PT ngày 28-5-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

1. Nguyên đơn: Anh **Tạ Văn S**, sinh năm 1974 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn Q, xã Nam Th, huyện T H, tỉnh Thái Bình;

2. Bị đơn: Anh **Trần Văn N**, sinh năm 1976 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn Q, xã Nam Th, huyện T H, tỉnh Thái Bình;

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị **Hoàng Thị Th**, sinh năm 1975 (vắng mặt – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt); Địa chỉ: Thôn Q, xã Nam Th, huyện T H, tỉnh Thái Bình.

3.2. Anh **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Nam H, huyện T H, tỉnh Thái Bình.

3.3. Anh **Đào Duy Th**, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện T H, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn anh Tạ Văn S trình bày: Ngày 28-3-2018, anh N là chủ máy xúc đã nhận hợp đồng B miệng với vợ chồng anh S và chị Th để phá dỡ căn nhà chính có diện tích 70m² xây năm 2003 ở địa chỉ: Thôn Q, xã Nam Th, huyện T H, tỉnh Thái Bình với giá tiền công là 8.000.000 đồng để vợ chồng anh S và chị Th khởi công xây dựng căn nhà mới. Trước khi phá dỡ, anh S, chị Th đã nhờ anh Trương Văn Khải người cùng thôn đo đạc, kẻ đường phân biệt ranh giới giữa nhà chính với công trình phụ đồng thời dùng máy cắt bê tông cắt đi 20 cm bê tông trên mái công trình phụ phần giáp với nhà chính để dễ phân biệt ranh giới giữa nhà chính với công trình phụ, đảm bảo an toàn cho công trình phụ trong khi phá dỡ căn nhà chính. Khi anh N cùng với anh B và anh Th đang phá dỡ căn nhà chính thì gầu máy đục thủy lực có va chạm vào cột bê tông đỡ mái công trình phụ của nhà anh S, chị Th làm hư hỏng công trình phụ không thể khắc phục được. Theo anh S và chị Th mục đích của anh N để máy đục làm hỏng công trình phụ của gia đình anh S, chị Th là để kiếm thêm tiền công phá dỡ. Diện tích thiệt hại công trình phụ là 32m² bao gồm nhà tắm, nhà vệ sinh, bể nước và bếp đồ mái B, không đồ cột, có ba mặt là tường xây, phần giáp với nhà chính không có tường, mượn tường nhà chính và có một cột đỡ xây dựng năm 2009, thiệt hại là 130.000.000 đồng. Sau khi sự việc xảy ra, do không muốn chậm tiến độ xây dựng căn nhà mới nên anh S, chị Th nói với anh N: *“Nhà chị đã xem ngày, xem giờ hạ móng rồi, chú cứ phá dỡ tiếp, sau này anh em giải quyết B tình cảm sau”*. Sau đó, anh N tiếp tục chỉ đạo anh Th và anh B phá dỡ nốt công trình phụ để anh S, chị Th kịp xây dựng căn nhà mới theo đúng thời gian đã định trước. Do muốn hai bên giải quyết B tình cảm và tự nguyện thỏa thuận với nhau và để kịp tiến độ xây dựng nên gia đình chị không báo cáo chính quyền địa phương đến lập biên bản, không chụp ảnh công trình phụ bị hư hỏng và cũng không giám định thẩm định giá công trình phụ bị hư hỏng, không lập biên bản, không chụp ảnh lại hiện trạng hư hỏng của công trình phụ. Sau khi phá dỡ xong, anh S, chị Th mời anh N đến nhà anh chị để thỏa thuận với nhau về việc bồi thường thiệt hại, nhưng anh N không đến và cũng không bồi thường thiệt hại cho gia đình chị mà còn yêu cầu gia đình chị phải trả thêm 3.000.000 đồng tiền công phá dỡ công trình phụ. Vì vậy, anh S khởi kiện yêu cầu anh N phải bồi thường thiệt hại tài sản là giá trị công trình phụ 32 m² bị hư hỏng là 90.000.000 đồng.

Bị đơn anh Trần Văn N trình bày: Tối ngày 28-3-2018, anh có hợp đồng B miệng với vợ chồng anh S và chị Th về việc phá dỡ, thu dọn toàn bộ vật liệu căn nhà chính mái B xây dựng bê tông, cốt thép và mức móng từ mặt đất xuống khoảng 40 cm đến 50cm; tiền công theo thỏa thuận là 9.000.000 đồng. Khi hợp đồng có sự chứng kiến của vợ chồng anh Việt là họ hàng với anh S. Đến ngày 01- 4 - 2018, anh cho đội thợ gồm anh B

và anh Th đến để phá dỡ căn nhà chính. Anh B và anh Th là người làm thuê cho anh N, anh N trả 300.000 đồng/01 ngày công để anh B và anh Th điều khiển máy xúc loại CP58. Đến 16 giờ 00 phút ngày 03 – 4 - 2018 thì phá dỡ xong nhà chính còn công trình phụ nhà anh S, chị Th vẫn giữ nguyên hiện trạng, không bị hư hỏng. Công trình phụ có móng riêng tách biệt với nhà chính, móng nhà chính sâu hơn móng công trình phụ khoảng 10cm, móng nhà chính có dầm chắc chắn hơn còn công trình phụ không có dầm. Công trình phụ gồm nhà bếp, nhà tắm, nhà vệ sinh và bể nước, có xà ngang, có một cột ở giữa, hai bên là tường giáp với nhà chính, phần công trình phụ giáp ranh giữa nhà chính không có tường mà mượn tường nhà chính (tường nhà chính dày 20cm), cửa từ nhà chính xuống công trình phụ cách công trình phụ 20cm, cao khoảng 3m. Ngay sau khi phá dỡ xong căn nhà chính, anh S lại hợp đồng bằng miệng với anh N là tiếp tục phá dỡ công trình phụ và thỏa thuận tiền công là 4.000.000 đồng. Anh N tiếp tục chỉ đạo đội thợ phá dỡ công trình phụ để giao mặt bằng cho anh S, chị Th đúng thời gian để anh S, chị Th xây dựng căn nhà mới đúng như thỏa thuận trong hợp đồng bằng miệng đã giao kết với nhau. Sau đó vì công việc và là hàng xóm của nhau, nên anh N chưa đòi tiền công vợ chồng anh S. Đến khoảng 08 giờ 20 phút ngày 20-4-2018, anh S đến nhà anh N nói là để trả tiền công phá dỡ anh N nói với anh S, tiền công phá dỡ hai công trình là 13.000.000 đồng, nhưng do là hàng xóm láng giềng nên anh N chỉ lấy tiền công là 12.000.000 đồng. Nghe thấy anh N nói vậy, anh S không nói gì và bỏ ra về. Anh N không biết nguyên nhân tại sao anh S không trả tiền công phá dỡ cho anh. Khoảng hai ba ngày sau anh N đi đến nhà anh S, chị Th để yêu cầu anh S, chị Th Th toán trả tiền công phá dỡ cho anh N thì anh S nói với anh N phải làm đơn nhờ chính quyền địa phương xã Nam Th can thiệp giải quyết xong thì anh S, chị Th mới trả tiền công phá dỡ cho anh N. Đến lúc đó, anh N mới biết anh S khởi kiện yêu cầu anh N bồi thường thiệt hại về tài sản. Quan điểm của anh N không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh S vì anh N đã thực hiện đúng hợp đồng và không có lỗi gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị Th trình bày: Chị đồng ý với quan điểm và yêu cầu khởi kiện của anh S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đào Duy Th trình bày: Ngày 01-4-2018, anh Th là người lái máy xúc làm thuê cho anh N thực hiện công việc phá dỡ công trình căn nhà chính của vợ chồng anh S và chị Th. Sau thời gian hai ngày đến khoảng 16 giờ 00 phút ngày 03-4-2018 thì phá dỡ xong căn nhà chính 70 m², anh Th xuống uống nước cùng một số người và chuẩn bị về thì nghe thấy anh S với anh N nói chuyện với nhau. Anh S có nói khoán cho anh N phá dỡ nốt công trình phụ cho anh S. Khi anh S thuê anh N phá dỡ công trình phụ có anh Nguyễn Văn Bở thôn Tam Bảo, xã Nam Hồng, huyện T H, tỉnh Thái Bình và ông Nguyễn Văn Phúc ở thôn Đông Biên Nam, xã Nam Hồng, huyện T H; ông Hoàng Văn Lùng ở thôn Tiến Lợi, xã Nam Th, huyện T H và ông Bùi Văn Hải lái máy xúc xã Nam Th đều có mặt tại đó chứng kiến. Trong khi

phá dỡ và thu dọn công trình phụ, anh S còn đứng ra chỉ đạo các anh khi nào phá dỡ xong toàn bộ công trình căn nhà chính và công trình phụ thì phá dỡ luôn 01 bể nước ở sau công trình phụ của nhà anh S, chị Th cùng với tường dậu đằng sau nhà và một chuồng nuôi gà. Khi tiến hành phá dỡ công trình chính cũng như công trình phụ thì không có việc gài móc của máy xúc và vào làm hỏng công trình phụ nhà anh S, chị Th như anh S trình bày. Anh Th đồng ý với quan điểm của anh N là không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh S vì anh không có lỗi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn B trình bày: Tôi đồng ý với quan điểm của anh N và anh Th đã trình bày và cũng thống nhất với anh N và anh Th là không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh S.

Bản án số: 22/2018/DS-ST ngày 30-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện T H, tỉnh Thái Bình đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 26-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tạ Văn S đối với anh Trần Văn N về việc kiện đòi bồi thường thiệt hại tài sản công trình phụ là 90.000.000 đồng.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản: Buộc anh Tạ Văn S phải nộp 1.500.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản, anh S đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng 3.000.000 đồng. Trả lại anh Tạ Văn S 1.500.000 đồng (Anh S đã nhận tiền chi phí tố tụng 1.500.000 đồng).

3. Về án phí: Anh Tạ Văn S phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 4.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chuyển số tiền 1.500.000 đồng mà anh S đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T H, tỉnh Thái Bình theo biên lai số 0008824 ngày 24/9/2018 sang tiền án phí. Anh Tạ Văn S phải nộp tiếp 3.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngày 13-12-2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị Th kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Hoàng Thị Th giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T H, tỉnh Thái Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 28-3-2018 giữa anh Tạ Văn S và anh Trần Văn N có hợp đồng B miêng (bằng lời nói) về việc vợ chồng anh S thuê anh N phá dỡ căn nhà 70 m² tại thôn Q, xã Nam Th, huyện T H, tỉnh Thái Bình. Trong quá trình phá dỡ công trình phụ liền kề bị hư hỏng, theo anh S và chị Th thì nguyên nhân dẫn đến hư hỏng công trình phụ là do gầu máy mức của anh N đã va đập vào công trình phụ dẫn tới công trình phụ có diện tích 32 m² bị hư hỏng phải phá dỡ đi để xây mới cho nên anh S khởi kiện yêu cầu anh N phải bồi thường thiệt hại 90.000.000 đồng. Tuy nhiên, anh S không chứng minh được thiệt hại có phải do anh N gây ra hay không, không chứng minh được hành vi trái pháp luật của anh N và cũng không chứng minh làm rõ được lỗi cố ý hay lỗi vô ý làm hư hỏng công trình phụ nhà anh S, chị Th là do ai gây ra. Bởi lẽ, khi thấy tài sản là công trình phụ 32 m² bị hư hỏng dẫn tới phải phá dỡ đi để xây mới, để xác định thiệt hại này, anh S và chị Th phải yêu cầu bên thi công dừng phá dỡ, yêu cầu cơ quan có thẩm quyền lập biên bản xác định hiện trạng của công trình bị hư hỏng, xác định nguyên nhân gây ra thiệt hại cho công trình, xác định người có hành vi trái pháp luật gây ra thiệt hại và chụp ảnh hiện trạng của công trình bị hư hỏng để làm chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là hợp pháp và có căn cứ nhưng anh S và chị Th vẫn đồng ý để anh N cùng đội thợ tiếp tục tiến hành phá dỡ công trình phụ 32 m² để xây dựng công trình mới.

[2] Từ những phân tích ở trên Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Hoàng Thị Th. Do đó, cần áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình là có căn cứ.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không chấp nhận, chị Hoàng Thị Th phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 26-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Hoàng Thị Th, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2018/DS-ST ngày 30-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện T H, tỉnh Thái Bình.

2. Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tạ Văn S đối với anh Trần Văn N về việc kiện bồi thường thiệt hại tài sản công trình phụ là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng).

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản: Anh Tạ Văn S phải chịu 1.500.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền 3.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản mà anh S đã nộp, hoàn trả lại anh S số tiền 1.500.000 đồng (anh S đã được nhận lại số tiền này).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Tạ Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.500.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.500.000 đồng theo biên lai số 0008824 ngày 24-9-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T H, tỉnh Thái Bình; anh S cần phải nộp tiếp 3.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Hoàng Thị Th phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0008899 ngày 13-12-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T H, tỉnh Thái Bình, chị Th đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TA, VKS, THADS huyện T H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Xuân Bằng